

Số: 90/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 20 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Dương Thanh B; địa chỉ: Số nhà 56, tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Bị đơn: Ông Phạm Văn H; địa chỉ: Số nhà 56, tổ dân phố 04, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Đ; địa chỉ: Số 194, đường T, phường L, quận H, thành phố H; *người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Đ - Chủ tịch hội đồng quản trị; *người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn H - Cán bộ phòng khách hàng cá nhân chi nhánh Đ, địa chỉ: Số 888, tổ dân phố 04, phường phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ (theo Quyết định số 963/QĐ-NGÂN HÀNG Đ ngày 25/10/2021 của Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng Đ; Giấy ủy quyền số 503/UQ-NGÂN HÀNG Đ.ĐB ngày 05/7/2022 của Giám đốc chi nhánh Đ);

- Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố H; *người đại diện theo pháp luật:* Ông Tô V, chức vụ: Tổng giám đốc; *người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn T - Giám đốc chi nhánh tỉnh Điện Biên; *người được ông Nguyễn T ủy quyền lại:* Bà Phạm T - Giám đốc Phòng giao dịch số 1 chi nhánh tỉnh Đ, địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ (theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng N; Giấy ủy quyền số 539/GUQ-NHNoDDB-TH ngày 12/5/2022 của Giám đốc chi nhánh tỉnh Đ);

- Ngân hàng thương V; địa chỉ: Số 108 T, thành phố Hà Nội; *người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần M - Chủ tịch hội đồng quản trị; *người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn N - Phó phòng phụ trách tổng hợp chi nhánh Điện Biên (theo Văn bản ủy quyền số 1035/UQ-HĐQT-NHCT18-PCTT1 ngày 11/8/2022 của Chủ tịch HĐQT V và Văn bản số 48/TB-NHCTĐB.16 ngày 12/9/2022 của Phó Giám đốc V chi nhánh Đ);

- Bà Trần Thị D; địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ;

- Ông Dương Văn L; địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ; *người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn H:* Bà Trần Thị D; địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ (*hợp đồng ủy quyền ngày 13/6/2022*);

- Bà Dương Thị V; địa chỉ: Số nhà 9B, ngách 354/159 đường T, phường K, quận Đ, thành phố H;

- Bà Dương Thị L; địa chỉ: Số nhà 56, tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải có văn đồng ý với thỏa thuận đó.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thanh B và ông Phạm Văn H.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Bà Dương Thanh B và ông Phạm Văn H thuận tình ly hôn.

2. Về con: Giao con chung Phạm Khải P - sinh ngày 25/6/2007 cho bà Dương Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên hoặc thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không yêu cầu giải quyết đối với con chung Phạm Bích N - sinh năm 1994 và việc cấp dưỡng nuôi con. Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ:

3.1. Bà Dương Thanh B rút yêu cầu khởi kiện đối với những tài sản và những khoản nợ sau:

- Xe Ô tô BKS 27H-4686 nhãn hiệu BMW; xe Ô tô BKS 30E-63580 nhãn hiệu Mercedes và tiền bán xe; 01 máy khoan giếng.

- Đất và tài sản gắn liền với đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BC571987 do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 18/3/2011.

- Đất và tài sản gắn liền với đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BB393842 do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 19/01/2011.

- Khoản nợ 29 cây 01 chỉ vàng 9999 của bà Trần Thị D;

- Khoản nợ 13 cây vàng 9999 của bà Dương Thị V.

3.2. *Tài sản riêng*: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ cùng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH51430 do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 04/01/2022) là tài sản riêng của bà Dương Thanh B.

3.3. *Khoản nợ và tài sản bảo đảm trả nợ đã thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ, phòng giao dịch số 01*:

- Bà Dương Thanh B và ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 8900LAV202100631 ngày 12/8/2021 giữa Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Điện Biên, phòng giao dịch số 01 và bà Dương Thanh B, ông Phạm Văn H.

- Tài sản bảo đảm trả nợ là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH17626 do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 18/3/2011 theo hợp đồng thế chấp số 20/2013/HKD ngày 19/8/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp sau đó. Trường hợp bà B và ông H không trả được nợ và lãi theo hợp đồng, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Tài sản đã thế chấp để bảo đảm trả nợ nếu còn sau khi trả nợ và lãi phát sinh, thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Dương Thanh B. Sau khi trả hết nợ bà Dương Thanh B được quyền nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp và có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.4. *Khoản nợ và tài sản bảo đảm trả nợ đã thế chấp tại NGÂN HÀNG Đ chi nhánh Điện Biên*:

- Bà Dương Thanh B và ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả cho NGÂN HÀNG Đ số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo 06 hợp đồng giữa NGÂN HÀNG Đ chi nhánh Điện Biên và bà Dương Thanh B, ông Phạm Văn H, cụ thể các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số 03/2021/849499/HĐTD ngày 09/7/2021; số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số 04/2021/849499/HĐTD ngày 25/8/2021; số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số 05/2021/849499/HĐTD ngày 30/8/2021; số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/849499/HĐTD ngày 27/01/2021; số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng;

+ Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 02/2022/849499/HĐTD ngày 19/02/2022; số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số 03/2022/849499/HĐTD ngày 25/2/2022; số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng.

- Tài sản bảo đảm trả nợ là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H08512 do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 04/5/2007; theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/849499/HĐBĐ ngày 23/6/2017. Trường hợp bà B và ông H không trả được nợ và lãi theo hợp đồng, NGÂN HÀNG Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Tài sản đã thế chấp để bảo đảm trả nợ nếu còn sau khi trả nợ và lãi phát sinh, thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Dương Thanh B. Sau khi trả hết nợ bà Dương Thanh B được quyền nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp và có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.5. Khoản nợ và tài sản bảo đảm trả nợ đã thế chấp tại NGÂN HÀNG V chi nhánh Điện Biên:

- Bà Dương Thanh B và ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả cho NGÂN HÀNG V số tiền nợ gốc là 2.980.000.000 (hai tỷ chín trăm tám mươi triệu) đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 403/2021/HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 10/6/2021 giữa NGÂN HÀNG V chi nhánh Điện Biên và bà Dương Thanh B, ông Phạm Văn H.

- Tài sản bảo đảm trả nợ là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH16398 do UBND thành phố Điện Biên Phủ cấp ngày 19/01/2011; theo hợp đồng thế chấp số 945/2012/HĐTCTS ngày 22/11/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp sau đó. Trường hợp bà B và ông H không trả được nợ và lãi theo hợp đồng, NGÂN HÀNG V (thông qua NGÂN HÀNG V chi nhánh Điện Biên) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Tài sản đã thế chấp để bảo đảm trả nợ nếu còn sau khi trả nợ và lãi phát sinh, thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Dương Thanh B. Sau khi trả hết nợ bà Dương Thanh B được quyền nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp và có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.6. Công nhận việc bà Dương Thanh B đã trả cho ông Phạm Văn H số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng trước khi Tòa án ban hành quyết định này.

4. Về án phí:

- Bà Dương Thanh B chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận tài sản riêng.

- Bà Dương Thanh B chịu 138.300.000 (một trăm ba mươi tám triệu, ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ; cụ thể:

+ Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG N chi nhánh tỉnh Điện Biên, phòng giao dịch số 01 là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng.

+ Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG Đ chi nhánh Điện Biên là 56.500.000 (năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG V chi nhánh Điện Biên là 45.800.000 (bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng.

Khấu trừ cho bà Dương Thanh B số tiền 51.850.000 (năm mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số 0001897 ngày 04/5/2022; bà Dương Thanh B còn phải nộp 86.750.000.000 (tám mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

III. Về tiền tạm ứng chi phí tố tụng: Trả lại cho bà Dương Thanh B số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp theo Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 15/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ (bà B đã nhận lại đủ số tiền trên).

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

V. Thi hành án dân sự: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Đ;
- UBND phường N (nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung